

Số: 14/2026/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Đào Thị Toan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 17/2026/TLST - LĐ ngày 30/6/2026 về việc Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 17/2026/QĐST-VLĐ ngày 09/7/2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Lê Thị H, sinh ngày 27/10/1993; CCCD số: 030193002065, cấp ngày 15/9/2022; Địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Mạc Thị P, sinh ngày 5/12/2000; CCCD số: 030300009312, cấp ngày 01/4/2026; Địa chỉ: Khu C, phường N, thành phố Hải Phòng.

+ Công ty TNHH Đ; Địa chỉ: KCN T, xã M, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông TSUZURANUKI HIROSHI – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị G – Trưởng phòng hành chính nhân sự.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở C; Địa chỉ: phường T, thành phố Hải Phòng.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố C; Địa chỉ: Số B Hồ N, phường H, thành phố Hải Phòng.

+ Trung tâm D - Sở Nội vụ thành phố H; Địa chỉ: G N, Phường A, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Lê Thị H trình bày: Chị Mạc Thị P là cháu của chị. Vào khoảng tháng 8/2015, do chị P chưa đủ tuổi lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của chị (CMND số 142643109) để xin việc làm. Sau đó, chị P có sử dụng CMND của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ, địa chỉ: KCN T, xã M, thành phố Hải Phòng. Cụ thể chị P ký hợp đồng như thế nào, làm công việc gì, đến thời điểm nào chấm dứt hợp đồng chị không rõ. Đến khoảng năm 2019 chị sinh con và đề nghị hưởng chế độ thai sản. Qua kiểm tra cơ quan bảo hiểm đã thông báo với chị về việc chị có 02 sổ bảo hiểm xã hội (01 sổ của chị đang đóng tại Công ty T và 01 sổ khác). Lúc này, chị mới hỏi chị P thì được biết chị P sử dụng CMND của chị ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ từ khoảng tháng 8/2015. Công ty TNHH Đ đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chị P số sổ bảo hiểm 3015044974 bằng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân mang tên chị là Lê Thị H. Sau khi thấy chị thông báo như vậy thì chị P cũng xin nghỉ việc tại Công ty Đ. Cũng trong thời gian đó chị cũng sử dụng chứng minh nhân dân của mình để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty CP T, địa chỉ thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, số sổ bảo hiểm 3016033915. Như vậy, hai sổ bảo hiểm xã hội số 3015044974 và số 3016033915 đều mang tên Lê Thị H và trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Mạc Thị Phương K với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Lê Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội 3015044974 và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Trường hợp giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, nếu chị P đã lĩnh chế độ bảo hiểm thì đề nghị chị P hoàn trả lại số tiền đó cho bảo hiểm, đối với tiền bảo hiểm thoái thu chị đề nghị trả lại hết toàn bộ cho Công ty TNHH Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Chị Mạc Thị Phương trình B thống nhất với chị Lê Thị H về việc chị mượn CMND của chị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ, chị là người trực tiếp làm việc tại Công ty và được Công ty C theo quy định, còn cụ thể số tiền đóng tiền bảo hiểm như thế nào đến nay chị không nhớ. Việc chị lấy hồ sơ tên Lê Thị H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là không

đúng nên chị nhất trí với các yêu cầu của chị H. Đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đứng tên Lê Thị H nhưng do chị là Mạc Thị Phương ký với Công ty TNHH Đ vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Đối với tiền bảo hiểm nếu trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu mà Bảo hiểm xã hội thoái thu chị đề nghị trả lại toàn bộ cho Công ty, cá nhân chị không đòi hỏi và yêu cầu gì. Đối với số tiền trợ cấp bảo hiểm chị đã được nhận, chị đồng ý trả lại cho cơ quan bảo hiểm.

Công ty TNHH Đ trình bày: Về hợp đồng lao động được ký kết giữa công ty Đ và người lao động ghi tên Lê Thị H, mã số bảo hiểm 3015044974, thực hiện từ tháng 8/2015 đến tháng 2/2019. Theo quy định công ty chỉ lưu giữ hợp đồng lao động và các tài liệu liên quan đến ký kết thực hiện hợp đồng lao động với người lao động trong thời hạn 5 năm kể từ khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó hiện nay công ty không lưu trữ được Hợp đồng lao động để có thể cung cấp cho Tòa án và khẳng định việc giao kết hợp đồng lao động đối với người lao động như nêu trên. Tuy nhiên căn cứ theo tài liệu mà người yêu cầu cung cấp cho Tòa án gồm: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 22/2019/QĐ-IRSV ngày 20/2/2019 sổ bảo hiểm xã hội số 3015044974, xác định có việc ký kết hợp đồng lao động ghi tên người lao động là Lê Thị H còn các nội dung khác do không còn hồ sơ lưu giữ nên Công ty không xác định và cung cấp cho Tòa án được. Chị Lê Thị H và chị Mạc Thị Phương trình B với Tòa án về việc chị H cho chị P mượn CMND để ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty dưới danh nghĩa tên người lao động là chị H và yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật và các tài liệu chứng cứ để giải quyết. Đối với số tiền bảo hiểm Công ty đã đóng cho người lao động đến nay do không còn hồ sơ nên công ty không rõ cụ thể như thế nào. Trường hợp nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu mà số tiền bảo hiểm xã hội công ty đã nộp cho người lao động ghi chị H, chị P đề nghị trả lại hết toàn bộ cho công ty, công ty nhất trí quan điểm của chị H, chị P. Sau này khi đã được cơ quan bảo hiểm thoái thu công ty sẽ tự liên hệ với người lao động để giải quyết nội bộ không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đặc thù công việc nên đại diện Công ty đề nghị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên họp.

Bảo hiểm xã hội cơ sở C trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, chị Lê Thị H, sinh ngày 27/10/1993, mã số bảo hiểm là 3015044974 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất

nghiệp tại Công ty TNHH Đ từ tháng 08/2015 đến 2/2019. Về việc thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN: Qua tra cứu dữ liệu có thông tin bà H, mã số bảo hiểm 3015044974 đã thụ hưởng trợ cấp thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội tỉnh C (nay là bảo hiểm xã hội thành phố C) chi trả theo Quyết định cho hưởng trợ cấp thất nghiệp của Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ thành phố H và hưởng chế độ ốm đau từ ngày 22/10/2018-24/10/2018 với số tiền 707.800đ. Quan điểm của Bảo hiểm xã hội về nội dung yêu cầu của chị H: Việc mượn hồ sơ tư pháp để tham gia bảo hiểm xã hội là hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu, người lao động cần liên hệ với Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở nội vụ nơi ban hành Quyết định cho hưởng trợ cấp thất nghiệp để thực hiện thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định và liên hệ với Bảo hiểm thành phố C để nộp lại số tiền đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, hoàn trả tiền đã được thanh toán chế độ ốm đau về Bảo hiểm cơ sở C1 Trường hợp Tòa án có yêu cầu thoái trả số tiền đã thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thì số tiền thực hiện thoái trả là 40.526.500đ. Do khối lượng công việc lớn nên không thể tham gia tố tụng tại phiên họp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở C1

Trung tâm D trình bày: Ngày 26/4/2019 Trung tâm D (nay là Trung tâm D) đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động Lê Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội 3015044974. Sau khi tra soát hồ sơ, Trung tâm đã trình Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh H, ban hành Quyết định số 3367/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2019 về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với bà H, thời gian hưởng 3 tháng từ 22/5/2019 -21/8/2019, mức hưởng 2.661.000đ/tháng. Bà H đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh C chi trả 2 tháng bằng 5.322.000đ. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, căn cứ Quyết định của Tòa án, Trung tâm D sẽ trình Sở Nội vụ thành phố H ban hành quyết định hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp và thu hồi số tiền đã hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, xác định người lao động Lê Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội 3015044974 đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh C (nay là Bảo hiểm xã hội thành phố C) chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp 2 tháng với mức hưởng 2.661.000đ/tháng, số tiền đã chi trả 5.322.000đ theo Quyết định số 3367/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2019. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, trên cơ sở phán quyết của Tòa án và kết quả giải quyết của Sở Nội vụ

thành phố H, cơ quan bảo hiểm sẽ tổ chức thực hiện theo quy định. Do tình hình công tác tại đơn vị, đề nghị Tòa án cho phép Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng vắng mặt tại các phiên họp.

Tại phiên họp:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên họp chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 15, 16, 49 Bộ luật Lao động; các Điều 33, 35, 38, 149, 367, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị H: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ với chị Mạc Thị P ghi tên người lao động Lê Thị H, số sổ bảo hiểm 301504497 vô hiệu toàn bộ. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mạc Thị P phải hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố C số tiền trợ cấp thất nghiệp 5.322.000đ; Hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội cơ sở C số tiền chế độ ốm đau 407.800đ đã được thanh toán; Bảo hiểm xã hội cơ sở Cẩm Giàng phải thoái trả cho Công ty TNHH Đ 40.526.500đ. Về lệ phí: Buộc chị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng và pháp luật áp dụng:

[1.1] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Đ có trụ sở tại Khu công nghiệp T, xã M, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

[1.3] Hợp đồng lao động được xác lập và thực hiện tháng 8/2015 – tháng 2/2019, nay phát sinh tranh chấp nên Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007 và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] *Về nội dung yêu cầu:*

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Mạc Thị Phương K với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Lê Thị H, sổ sổ bảo hiểm 3015044974. Quá trình giải quyết người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ trình bày của người yêu cầu, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sổ bảo hiểm xã hội số 3015044974, Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Có đủ cơ sở xác định giữa Công ty TNHH Đ và người lao động ghi tên Lê Thị H đã ký kết, thực hiện hợp đồng lao động từ tháng 8/2015 – 2/2019, sổ sổ bảo hiểm 3015044974. Lời khai của chị H, chị P xác định chị P sử dụng hồ sơ tư pháp của chị H để ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH Đ. Đây là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng và vi phạm quy định của Bộ luật Lao động. Chị P sử dụng hồ sơ tư pháp của chị H làm cho Công ty TNHH Đ hiểu sai lệch về chủ thể để xác lập hợp đồng lao động là hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng lao động đứng tên chị Lê Thị H (do chị Mạc Thị Phương K) với Công ty TNHH Đ vô hiệu toàn bộ. Vì vậy yêu cầu của chị H là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động nhưng thực tế chị P có làm việc tại Công ty TNHH Đ và được Công ty đóng bảo hiểm từ tháng 08/2015 đến hết tháng 2/2019 theo sổ bảo hiểm số 3015044974. Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng, Trung tâm dịch vụ việc làm – Sở Nội vụ thành phố H xác định người lao động mang tên Lê Thị H, sổ bảo hiểm số 3015044974 đã được thanh toán chế độ bảo hiểm thất nghiệp 2 tháng với số tiền $2.661.000\text{đ}/\text{tháng} \times 2 = 5.322.000\text{đ}$, theo Quyết định 3367/QĐ-LĐTBXH ngày 24/5/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh H. Bảo hiểm xã hội cơ sở C xác định người lao động Lê Thị H, sổ sổ bảo hiểm 3015044974 đã hưởng chế độ ốm đau từ ngày 22/10/2018 - 24/10/2018 số tiền 407.800đ. Chị P xác định chị là người nhận và sử dụng số tiền nêu trên nên sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Do đó buộc chị Mạc Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng, hoàn trả tiền chế độ ốm đau cho Bảo hiểm xã hội cơ sở C1 Trung tâm D kiến nghị Sở nội vụ thành phố H hủy bỏ Quyết định số 3367/QĐ-LĐT BXH ngày 24/5/2019 về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động ghi tên Lê Thị H, số sổ bảo hiểm 301504497. Đối với số tiền bảo hiểm thoái thu trả, theo Bảo hiểm xã hội cơ sở C xác định là 40.526.500đồng. Chị H, chị P đề nghị hoàn trả cho Công ty TNHH Đ. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 40.526.500đồng theo quy trình thoái thu của C.

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H

1. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa chị Mạc Thị Phương K với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Lê Thị H, số sổ bảo hiểm 301504497 vô hiệu toàn bộ.

2. Buộc chị Mạc Thị P phải hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội cơ sở Cẩm Giàng tiền chế độ ốm đau số tiền 407.800đồng; hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố C tiền trợ cấp thất nghiệp 5.322.000đ đã nhận theo Quyết định 3367/QĐ-LĐT BXH ngày 24/5/2019, số sổ bảo hiểm 301504497.

Trung tâm D kiến nghị Sở Nội vụ thành phố H hủy bỏ Quyết định số 3367/QĐ-LĐT BXH ngày 24/5/2019 về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động ghi tên Lê Thị H, số sổ bảo hiểm 301504497

3. Hoàn trả Công ty TNHH Đ tổng số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Mạc Thị P (đứng tên Lê Thị H) là 40.526.500đ (*Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) theo quy trình thoái thu của C.

4. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0008064 ngày 30/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- THA DS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy